TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/DS-ST
Ngày: 19-01-2024
V/v tranh chấp: hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Kim Chi.

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2023/QĐST-DS ngày 06/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2023/QĐST-DS ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1978.

Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N xin vắng mặt; ông T, bà X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Giữa bà H và ông T, bà X có quen biết nhau. Ông T và bà X là vợ chồng.

Bà H làm đầu thảo hụi, có tổ chức góp hụi, ông T và bà X là hụi viên có tham gia hụi do bà H là chủ hụi cụ thể như sau:

Loại hụi 5.000.000đ/phần, hụi mở vào ngày 15/5/2022 (âm lịch), có 24 phần, ông T và bà X tham gia 02 phần, 01 tháng khui 01 lần, ông T và bà X đã hốt hết 02 phần hụi của dây này, cụ thể như sau:

Phần thứ 1: ông T và bà X hốt vào kỳ thứ 1 vào ngày 20/5/2022 được số tiền 79.236.000đ. Sau khi hốt hụi ông T và bà X đã đóng lại được 11 kỳ hụi chết, còn nợ lại 12 kỳ với số tiền là 60.000.000đ. Khi giao hụi bà H giao hụi cho vợ chồng ông T và bà X thì ông T và bà X có ký giấy biên nhận nhận tiền hốt hụi vào ngày 15/5/2022 (âm lịch).

Phần thứ 2: ông T và bà X hốt vào kỳ thứ 5 vào ngày 15/9/2022 được số tiền 75.300.000đ. Sau khi hốt hụi ông T và bà X đã đóng lại được 07 kỳ hụi chết, còn nợ lại 12 kỳ với số tiền là 60.000.000đ. Khi giao hụi bà H giao hụi cho vợ chồng ông T và bà X thì ông T và bà X có ký giấy biên nhận nhận tiền hốt hụi vào ngày 15/9/2022 (âm lịch).

Loại hụi 3.000.000đ/phần, hụi mở vào ngày 20/9/2021 (âm lịch), có 28 phần, ông T và bà X tham gia 01 phần, 01 tháng khui 01 lần, ông T và bà X hốt vào kỳ thứ 5 vào ngày 25/01/2022 được số tiền 58.800.000đ. Sau khi hốt hụi ông T và bà X đã đóng lại được 15 kỳ hụi chết, còn nợ lại 08 kỳ với số tiền là 24.000.000đ. Khi giao hụi bà H giao hụi cho vợ chồng ông T và bà X thì ông T và bà X có ký giấy biên nhận nhận tiền hốt hụi vào ngày 25/01/2022 (âm lịch).

Ngoài ra, vào ngày 02/02/2021 thì ông T và bà X có giao dịch dưới hình thức bán hụi với bà H giá là 50.275.000đ, ông T và bà X có thỏa thuận với bà H đến ngày 30/4/2023 thì ông T và bà X sẽ trả cho bà H vốn và lãi là 85.800.000đ. Tuy nhiên đến ngày 30/4/2023 thì ông T và bà X đã không trả tiền cho bà H như đã thỏa thuận.

Tổng số tiền ông T và bà X hiện còn nợ bà H là 229.800.000đồng. Bà H đã rất nhiều lần đến nhà đề nghị ông T và bà X trả nợ nhưng đến nay ông bà vẫn chưa trả nợ cho bà H.

Trong quá trình hòa giải, bà H chỉ yêu cầu ông Lê Văn T và bà Lê Thị X cùng liên đới trả bà H số tiền là 200.000.000đồng đồng. Yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật, bà H không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn Lê Văn T trình bày*: ông T biết việc vợ của ông là bà Lê Thị X chơi hụi do bà H làm chủ hụi, việc bà X hốt hụi ông cũng biết, bà X dùng tiền hốt hụi vào việc xây cất nhà nên ông thống nhất còn nợ bà H số tiền 229.800.000 đồng như bà H yêu cầu. Bà H yêu cầu ông và bà X cùng liên đới trả số tiền 200.000.000 đồng thì ông đồng ý trả cho bà H số tiền này nhưng ông xin trả dần vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn.

** Bị đơn Lê Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do, bà cũng không gửi đến Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.*

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn Lê Văn T và Lê Thị X vắng mặt không lý do.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: áp dụng Điều 357, 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà H khởi kiện yêu cầu ông T và bà X trả tiền góp hụi nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp "hợp đồng góp hụi" được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: chị N có đơn đề nghị xét xử vắng măt, ông T và bà X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông bà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T, bà X.

[3] Về nội dung: Bà H yêu cầu ông T và bà X cùng liên đới trả số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H cung cấp các bản chính "Biên nhận" ngày 20/9/2021 (âm lịch), ngày 02/02/2021 (âm lịch), ngày 15/9/2022 (âm lịch), ngày 15/5/2022 (âm lịch). Trong các biên nhận này tại vị trí người nhận tiền đều có chữ ký và ghi họ tên của bà X và ông T.

Ông T cũng xác định trong các biên nhận nêu trên là do ông và vợ của ông là bà Lê Thị X ký tên "T" + "X" và ghi họ tên "Lê Văn T" + "Lê Thị X".

Do đó, có đủ cơ sở để xác định giữa bà H với ông T và bà X đã xác lập hợp đồng góp hụi theo quy định tại 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông T, bà X không đóng lại tiền hụi chết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên có nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền,

lợi ích hợp pháp của bà H. Ông T và bà X là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Nhì (giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 14/11/2019), ông T và bà X sử dụng tiền hốt hụi và mua bán hụi này để xây nhà chung cho ông T, bà X nên cần buộc ông T và bà X có trách nhiệm liên đới trả bà H số tiền 200.000.000 đồng là phù hợp với Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ qui định về hụi, họ, biêu, phường.

Bà X vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là bà đã từ bỏ quyền chứng minh của bà, bà cũng không gửi đến Tòa án văn bản phản đối đối với chứng cứ mà bà H cung cấp theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: bà H không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời gian trả: bà H yêu cầu ông T và bà X trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của bà H là có cơ sở vì số tiền này ông T, bà X để kéo dài không trả cho bà H đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H. Mặc dù các dây hụi trên chưa đến ngày mãn hụi nhưng đã qua rất nhiều kỳ hụi mà ông T và bà X phải đóng hụi chết cho bà H thì ông T, bà X liên tục không thực hiện đúng nghĩa vụ của một hụi viên nên cần buộc ông T và bà X trả hết tất cả các kỳ hụi còn lại cho đến khi mãn hụi và trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên ông T, bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 471, 280, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ qui định về hụi, họ, biêu, phường;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H.

Buộc ông Lê Văn T và bà Lê Thị X có trách nhiệm liên đới trả bà Trần Thị Ngọc H số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm:

- Ông Lê Văn T và bà Lê Thị X phải liên đới chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại bà Trần Thị Ngọc H 5.745.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012510 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây

3. Quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Phan Thị Ngọc Ngân